TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 46/2019/HNGĐ-PT
Ngày:19 - 11- 2019
V/v Tranh chấp chia tài sản
sau khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn A Đam
Các Thẩm phán: Ông Hồ Minh Tấn
Bà Nguyễn Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Tăng Thị Nhớ là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Trương Minh Bạch - Kiểm sát viên.

Ngày 14 và 19 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 46/2019/TLPT-HNGĐ ngày 30 tháng 9 năm 2019 về việc*"Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn"*.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 82/2019/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện U M bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:45/2019/QĐ-PT ngày 09 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Võ Ngọc Th, sinh năm 1990.

Địa chỉ cư trú: Ấp 9, xã Khánh T, huyện U M, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của chị Th: Bà Huỳnh Ngọc Ánh, sinh năm 1962.

Địa chỉ cư trú: Đường 3/2, khóm 4, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Đỗ Phương V, sinh năm 1984.

Địa chỉ cư trú: Khóm 4, thị trấn U M, huyện U M, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh V: Luật sư Nguyễn Văn Nuôi - Văn phòng Luật sự Ánh Sáng thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Anh Đỗ Phương V – Bị đơn (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/02/2019 và tại phiên tòa chị Võ Ngọc Th và người đại diện theo ủy quyền của chị Th trình bày:*

Vào tháng 02 năm 2008 chị Võ Ngọc Th và anh Đỗ Phương V đi đến hôn nhân, trong thời gian chung sống thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng và yêu cầu đến Tòa án nhân dân huyện U M xét xử cho ly hôn theo Bản án số 74/2015/HNGĐ-ST ngày 12/10/2015. Trong thời gian chung sống vợ chồng có mở cửa hàng điện thoại di động để kinh doanh, trong quá trình giải quyết vụ án ly hôn và chia tài sản chung giữa anh V và chị Th thì anh V thừa nhận cửa hàng điện thoại di động khi chị Th đi giá trị còn lại là 280.000.000 đồng nhưng phần này chị Th chưa yêu cầu Tòa án giải quyết vì định số tiền này để lại cho anh V nuôi con nhưng anh V không cho chị thăm con nên chị Th yêu cầu anh V chia đôi số tiền này.

** Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của anh V trình bày:* Tại bản án số 74/2015/HNGĐ-ST ngày 12/10/2015 của Tòa án nhân dân huyện U M, anh V có thừa nhận khi chị Th bỏ đi giá trị của hàng điện thoại di động còn lại là 280.000.000 đồng, số tiền này anh V đã chi tiêu cho cháu V1 là con chung của anh V và chị Th như sau: Mua bảo hiểm nhân thọ tại công ty bảo hiểm nhân thọ Cà Mau với số tiền là 84.070.520 đồng; mua bảo hiểm tại công ty trách nhiệm hữu hạn nhân thọ Việt Com Bank với số tiền 26.700.000 đồng; các khoản chi phí lo cho cháu V1 đi học trong 5 năm là 9.727.000 đồng, bao gồm: học phí 500.000 đồng, bảo hiểm y tế 2.627.000 đồng, bảo hiểm tai nạn là 350.000 đồng, tin nhắn giữa trường học với gia đình 250.000 đồng, vệ sinh lao động 500.000 đồng, trang phục 2.000.000 đồng, sổ sách 3.500.000 đồng và chi phí phát sinh còn lại sau này nên không đồng ý chia theo yêu cầu của chị Th với lý do đã chi các khoản tiền nêu trên; chị Th yêu cầu chia số tiền này nhưng không có gì chứng minh cho rằng số tiền 280.000.000 đồng là tài sản chung, anh V chỉ xác định khoảng 280.000.000 đồng nhưng không cụ thể là bao nhiêu; trong quá trình giải quyết vụ án ly hôn trước đây chị Th cũng đã trình bày tặng cho số tiền này để anh V nuôi con; chị Th cho rằng anh V không cho chị Th thăm con nhưng không có gì chứng minh; từ khi chị Th tặng cho phần tài sản này anh V cũng đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với con; trong thời gian anh V nuôi con chị Th cũng không có đóng góp gì nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của chị Th.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số:82/2019/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện U M quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 220; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng: Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Áp dụng điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Võ Ngọc Th về việc yêu cầu chia tài sản chung đối với anh Đỗ Phương V. Chị Võ Ngọc Th được chia số tiền 140.000.000 (Một trăm bốn mươi triệu) đồng; Anh Đỗ Phương V được chia số tiền 140.000.000 (Một trăm bốn mươi triệu) đồng. Hiện nay anh Đỗ Phương V đang quản lý tổng số tiền 280.000.000 (Hai trăm tám mươi triệu) đồng, buộc anh Đỗ Phương V phải giao lại cho chị Võ Ngọc Th số tiền 140.000.000 (Một trăm bốn mươi triệu) đồng; số tiền còn lại 140.000.000 (Một trăm bốn mươi triệu) đồng, anh V tiếp tục quản lý, sử dụng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày 09/9/2019, anh Đỗ Phương V có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia tài sản sau khi ly hôn của chị Võ Ngọc Th.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Anh V giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, anh V không đồng ý chia số tiền 280.000.000 đồng theo yêu cầu khởi kiện của chị Th vì theo anh V và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh trình bày: Số tiền này anh V đã chi tiêu cho cháu V1 là con chung của anh V và chị Th như mua bảo hiểm nhân thọ tại công ty bảo hiểm nhân thọ Cà Mau với số tiền là 84.070.520 đồng; mua bảo hiểm tại công ty trách nhiệm hữu hạn nhân thọ Việtcombank với số tiền 26.700.000 đồng; các khoản chi phí lo cho cháu V1 đi học trong 5 năm là 9.727.000 đồng, bao gồm: học phí 500.000 đồng, bảo hiểm y tế 2.627.000 đồng, bảo hiểm tai nạn là 350.000 đồng, tin nhắn giữa trường học với gia đình 250.000 đồng, vệ sinh lao động 500.000 đồng, trang phục 2.000.000 đồng, sổ sách 3.500.000 đồng và chi phí phát sinh còn lại sau này nên không đồng ý chia theo yêu cầu của chị Th với lý do đã chi các khoản tiền nêu trên. Ngoài ra, số tiền 280.000.000 đồng này có được là do có nguồn vốn 115.000.000 đồng của cha, mẹ anh V là ông Đỗ Phương N và bà Trương Kim U đầu tư vào, nên ông N, bà U có quyền lợi trong số tiền 280.000.000 đồng, án sơ thẩm không đưa ông N, bà U vào tham gia tố tụng là làm ảnh hưởng quyền lợi của ông N, bà U.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ theo pháp luật quy

định. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của anh V, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Xét kháng cáo của anh Đỗ Phương V yêu cầu không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Ngọc Th là chia đôi tài sản chung với số tiền là 280.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị Th và anh V nhận thấy đã thuận tình ly hôn theo Bản án số 74/2015/HNGĐ-ST ngày 12/10/2015 của Tòa án nhân dân huyện U M đã có hiệu lực pháp luật, tại quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh V với chị Th và đã thỏa thuận với nhau về việc chia số tiền lợi nhuận từ việc kinh doanh của chị Th và anh V với số tiền 1.000.000.000 đồng. Lời trình bày của anh V, chị Th trong quá trình xét xử và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì cả anh V và chị Th đều thừa nhận khi chị Th bỏ đi thì cửa hàng điện thoại di động giá trị còn 280.000.000 đồng và chị Th cho rằng số tiền 280.000.000 đồng chị Th không yêu cầu chia, chị để lại cho anh Vủ nuôi con.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy: Tại bản án số: 74/2015/HNGĐ-ST ngày 12/10/2015, của Tòa án nhân dân huyện U M có ghi nhận ý kiến trình bày của chị Th là lúc chị ra đi khỏi nhà thì giá trị cửa hàng điện thoại di động còn lại khoảng 400.000.000 đồng, chị để lại cho anh V nuôi con, theo đơn khởi kiện ngày 26/02/2019 của vụ án này chị Th xác định giá trị còn lại của cửa hàng điện thoại di động là 280.000.000 đồng và chị cho rằng chưa yêu cầu giải quyết vì định để lại cho anh V nuôi con; Anh V thừa nhận giá trị tài sản còn lại trong cửa hàng điện thoại di động là 280.000.000 đồng, anh là người quản lý số tiền trên và đã dùng vào việc nuôi con từ năm 2015 cho đến nay. Xét thấy việc chị Th cho rằng số tiền 280.000.000 đồng chị để lại cho anh V nuôi con được ghi nhận trong phần nhận định của các bản án và đơn khởi kiện của chị Th, tuy số tiền này chưa được giải quyết bằng quyết định của bản án, nhưng lời trình bày của chị Th đã thể hiện ý chí chị Th không nhập số tiền 280.000.000 đồng này vào tài sản chung của vợ chồng để phân chia mà chị Th để lại số tiền này để nuôi con chung của anh, chị là cháu Đỗ Th V1.

Trên thực tế là anh V đang trực tiếp nuôi cháu Đỗ Th V1 từ khi anh V, chị Th ly thân vào tháng 5 năm 2014 cho đến nay, chị Th không có cấp dưỡng nuôi con; các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ, lời trình bày của các đương sự thấy rằng anh V có mua bảo hiểm cho cháu V1, có chi tiền lo cho cháu V1 ăn học và các chi phí khác từ năm 2014 cho đến nay. Do đó, số tiền 280.000.000 đồng anh V đã dùng vào việc nuôi con chung của anh V và chị Th, không còn trên thực tế, nên có cơ sở chấp nhận kháng cáo của anh V về việc không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Th về việc yêu cầu chia số tiền 280.000.000 đồng trên, Sửa bản án sơ thẩm

số 82/2019/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện U M, tỉnh Cà Mau.

Tại phiên tòa anh V thừa nhận anh là người quản lý và chi tiêu số tiền 280.000.000 đồng và cho rằng số tiền tranh chấp 280.000.000 đồng này có quyền lợi của cha, mẹ anh là ông Đỗ Phương N và bà Trương Kim U. Do đó, ông N, bà U có quyền khởi kiện ông V thành vụ kiện dân sự khác để phân chia số tiền trên theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa hôm nay không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[3]. Án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên anh V phải chịu..

[4]. Những quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không giải quyết; có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án;

1. Chấp nhận kháng cáo của anh Đỗ Phương V.

2. Sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 82/2019/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện U M, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Ngọc Th về việc yêu cầu chia đôi tài sản chung là số tiền 280.000.000 đồng với anh Đỗ Phương V.

3. Về án phí:

3.1. Án phí sơ thẩm: Chị Võ Ngọc Th phải chịu án phí có giá ngạch với số tiền là 7.000.000 (Bảy triệu) đồng. Chị Th đã nộp tam ứng án phí số tiền 3.500.000 (Ba triệu năm trăm nghìn) đồng được đối trừ, chị Th phải nộp tiếp số tiền là 3.500.000 (Ba triệu năm trăm nghìn) đồng, khi bản án có hiệu lực pháp luật. Anh Đỗ Phương V không phải chịu án phí có giá ngạch.

3.2. Án phí phúc thẩm: Anh V không phải chịu. Ngày 09/9/2019, anh V có dự nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0004577 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U M được nhận lại.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện U M;
- Chi cục THADS huyện U M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn A Đam